

KHẢO SÁT TỶ LỆ BỆNH VIÊM TỬ CUNG TÍCH MỦ TRÊN CHÓ TẠI CÁC PHÒNG MẠCH THÚ Y TỈNH TIỀN GIANG

Trần Văn Thanh^{1*}, Trần Ngọc Bích²,
Nguyễn Trung Trực¹, Nguyễn Thị Yến Mai¹

TÓM TẮT

Nghiên cứu “*Khảo sát bệnh viêm tử cung tích mủ trên chó tại các phòng mạch thú y tỉnh Tiền Giang*” được thực hiện từ tháng 8 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020. Kết quả chẩn đoán lâm sàng và cận lâm sàng phát hiện có 112/983 con chó cái mắc bệnh viêm tích mủ tử cung khi mang đến khám bệnh và điều trị lần đầu, chiếm tỷ lệ 11,39%. Tỷ lệ chó mắc bệnh viêm mủ tử cung phụ thuộc vào giống, độ tuổi, lứa đẻ và tiền sử sử dụng thuốc ngừa thai. Tỷ lệ mắc bệnh của chó giống ngoại và giống nội lần lượt là 15,19%; 7,66%. Tỷ lệ chó ở nhóm tuổi $\geq 2-5$ năm có tỷ lệ mắc bệnh cao nhất (23,65%), kế đến là chó > 5 năm tuổi (8,36%) và chó < 2 năm tuổi (3,29%). Nhóm chó không sinh sản hoặc sinh sản không đều đặn có tỷ lệ mắc bệnh lần lượt là 21,26%; 14,15%. Những chó được nuôi thả và nuôi nhốt có tỷ lệ bệnh lần lượt là 15,32%; 7,17%. Tỷ lệ viêm tích mủ tử cung dạng hở và dạng kín có tỷ lệ bệnh lần lượt là 59,82%; 40,18%. Những con chó được điều trị khỏi bằng phương pháp phẫu thuật có tỷ lệ khỏi bệnh là 98,02%.

Từ khóa: Chó cái, phòng mạch thú y, ngoại khoa, viêm tích mủ tử cung, Tiền Giang.

1. GIỚI THIỆU

Chó là một trong những vật nuôi gần gũi nhất với con người, được xem là biểu tượng của lòng trung thành; là loài vật thân thiết, gắn bó với con người, luôn nhận được sự quan tâm chăm sóc và nuôi dưỡng rất đặc biệt của chủ nuôi (Phạm Ngọc Thạch, 2010). Ngày nay, người ta nuôi chó với nhiều mục đích khác nhau như giữ nhà, bầu bạn, săn bắt, dẫn đường, kinh doanh và làm một số nhiệm vụ đặc biệt khác như ở chó nghiệp vụ. Chính vì chăn nuôi với mục đích đa dạng nên gần đây có nhiều giống chó ngoại được nhập vào nước ta làm phong phú thêm về số lượng và chủng loại các giống chó.

Đi cùng với sự phát triển đó thì tình hình dịch bệnh trên đàn chó ngày càng gia tăng như bệnh ngoại khoa, bệnh nội khoa, bệnh ký sinh trùng, bệnh truyền nhiễm và đặc biệt là bệnh sản khoa. Những bệnh sản khoa phổ biến trên chó là viêm tử cung, đẻ khó, chữa giả, chậm động dục, sa âm đạo, trong đó viêm tử cung là bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất (Sử Thanh Long và Trần Lê Thu Hằng, 2015). Bệnh này không chỉ kéo dài thời gian động dục sau đẻ, tăng số lần phối giống, giảm số con sinh ra mà còn ảnh hưởng

ng nghiêm trọng đến sức khỏe chó mẹ (Nguyễn Văn Thanh và Nguyễn Thị Thanh Hà, 2018). Ngoài ra, nếu như không phát hiện để can thiệp kịp thời thì sẽ gây nhiễm trùng máu và có thể dẫn đến tử vong. Đối với bệnh viêm tử cung ở chó, bệnh đang khá phổ biến, gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, sức sinh sản, khả năng duy trì nòi giống, thậm chí gây chết nếu không được điều trị kịp thời. Trên thế giới hiện nay, áp dụng kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh bằng siêu âm trong thú y đã rất phổ biến đem lại ý nghĩa thực tiễn lớn (Schmidt *et al.*, 1986). Tuy nhiên, ở Việt Nam nói chung và tỉnh Tiền Giang nói riêng, việc sử dụng kỹ thuật này còn nhiều hạn chế, chủ yếu vẫn là thăm khám lâm sàng nên hiệu quả không cao.

Trước thực trạng đó, nghiên cứu: “*Khảo sát tỷ lệ bệnh viêm tử cung tích mủ trên chó tại các phòng mạch thú y tỉnh Tiền Giang*” được thực hiện với mục tiêu nhằm đánh giá, xác định các yếu tố nguy cơ gây bệnh viêm tích mủ tử cung trên chó và đánh giá hiệu quả điều trị của bệnh này.

2. NỘI DUNG, VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung

Khảo sát tỷ lệ bệnh viêm tử cung tích mủ trên chó tại các phòng mạch thú y tỉnh Tiền Giang.

¹ Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam bộ

² Bộ môn Thú y, Khoa Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ

*Email: tvthanh@nbac.edu.vn

2.2. Đối tượng và địa điểm nghiên cứu

Tất cả giống chó cái ở mọi lứa tuổi, có dấu hiệu bệnh viêm tích mủ tử cung được mang đến khám và điều trị tại các phòng mạch thú y tỉnh Tiền Giang.

2.3. Thời gian và địa điểm

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 8 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020 tại các phòng mạch thú y tỉnh Tiền Giang.

2.4. Phương pháp tiến hành

2.4.1. Chẩn đoán lâm sàng bệnh viêm tử cung

Hỏi trực tiếp chủ nuôi thông tin về con bệnh bao gồm: giống, tuổi, giới tính, khối lượng. Thể trạng con vật: bắt đầu phát bệnh khi nào, những triệu chứng bệnh, tình trạng ăn uống, vận động, đi tiểu và quá trình điều trị trước đó, phương thức nuôi thả hay nhốt, sinh sản hay chưa, lứa đẻ,... để đưa ra kết quả chẩn đoán.

2.4.2. Chẩn đoán cận lâm sàng bằng siêu âm

- Dựa vào chẩn đoán lâm sàng, tiến hành siêu âm xoang bụng. Trên ảnh siêu âm sẽ thấy vùng thành tử cung tăng âm có viền trắng sáng hình vòng cung biểu hiện thành tử cung bị dày lên, trong lòng tử cung phản hồi âm tạo nên vùng đen đậm chứa nhiều dịch viêm.

- Trường hợp mổ bụng con vật quá dày hay có nhiều khí trong ruột và dạ dày làm cho không quan sát được buồng trứng, thì để cho con vật nằm nghiêng để việc quan sát và chẩn đoán được chính xác hơn.



Hình 1. Máy siêu âm Mindray DP-10Vet của Hãng Mindray Việt Nam với đầu dò Convex (2-12 MHz)

2.4.3. Điều trị ngoại khoa

Chuẩn bị phẫu thuật ngoại khoa, tiến hành phẫu thuật cắt bỏ tử cung và hộ lý chăm sóc sau phẫu thuật theo phương pháp của Huỳnh Văn Kháng (1998).

Sau khi mổ xong theo dõi tình trạng cho đến khi thân nhiệt ổn định và chó tỉnh hẳn mới cho về nhà. Bắt đầu tiêm thuốc hậu phẫu ngày 1 và tiêm liên tục từ 5-7 ngày. Sau 7-10 ngày nếu vết thương lành tốt thì tiến hành cắt chỉ.

Bảng 1. Phác đồ điều trị hậu phẫu

Tên thuốc	Liều dùng	Đường cấp	Liều dùng
Shotapen® LA	1 ml/10KgP	Tiêm dưới da	1 lần/ngày, cách ngày
Dexamethason	1 ml/10KgP	Tiêm dưới da	1 lần/ngày
Vitamin K	1 ml/10KgP	Tiêm dưới da	1 lần/ngày
Vitamin B	1 ml/10KgP	Tiêm dưới da	1 lần/ngày

Ghi chú: Shotapen® LA là hỗn dịch tiêm, chứa hai loại kháng sinh Benzyl penicillin và Dihydrostreptomycin.

2.5. Xử lý số liệu

Số liệu được xử lý bằng chương trình Microsoft Excel 2010 và chương trình Minitab 16.0 – sử dụng phép thử Chi – Square Test khi có sự khác biệt ($P < 0,05$).

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tình hình chó bị viêm mủ tử cung theo giống

Kết quả khảo sát 983 con chó cái được mang đến khám và điều trị lần đầu tại các phòng mạch thú y tỉnh Tiền Giang từ tháng 8 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020 được trình bày tại bảng 2.

Bảng 2. Tỷ lệ chó mắc bệnh viêm mủ tử cung theo giống

Giống	Số con khảo sát	Số con mắc bệnh	Tỷ lệ (%)
Nội	496	38	7,66
Ngoại	487	74	15,19
Tổng	983	112	11,39

Kết quả bảng 2 cho thấy trong tổng số 112 con chó cái bị viêm tích mủ tử cung, có 38 con chó thuộc nhóm chó giống nội, chiếm tỷ lệ 7,66%, thấp hơn nhóm chó giống ngoại (15,19%) sự sai khác có ý nghĩa

thống kê với $P=0.000$ và kết quả nghiên cứu này tương tự với kết quả nghiên cứu của Đỗ Thị Thu Lam (2010) tại thành phố Cần Thơ với tỷ lệ chó bệnh viêm tích mủ tử cung ở chó giống nội là 6,31%, thấp hơn chó giống ngoại là 9,31%. Vùng dịch tễ khác nhau nhưng có kết quả giống nhau về tỷ lệ bệnh trên nhóm giống nội thấp hơn nhóm giống ngoại có thể được lý giải nhóm chó giống nội thích nghi với điều kiện sống, sức đề kháng cao hơn nên tỷ lệ bệnh thấp hơn nhóm chó giống ngoại

3.2. Tình hình chó bị viêm mủ tử cung trên chó theo độ tuổi

Tình hình chó bị viêm mủ tử cung theo độ tuổi được trình bày qua bảng 3.

Bảng 3. Tỷ lệ chó mắc bệnh viêm mủ tử cung theo độ tuổi

Độ tuổi	Số con khảo sát	Số con mắc bệnh	Tỷ lệ (%)
< 2 năm tuổi	304	10	3,29
≥ 2-5 năm tuổi	296	70	23,65
> 5 năm tuổi	383	32	8,36
Tổng	983	112	11,39

Kết quả bảng 3 cho thấy chó bệnh viêm tích mủ tử cung cao nhất ở độ tuổi ≥ 2-5 năm, kế đến là chó > 5 năm tuổi (8,36%) và chó < 2 năm tuổi là thấp nhất (3,29%). Bệnh viêm tích mủ tử cung chủ yếu xảy ra ở chó có độ tuổi ≤ 2-5 năm tuổi, kết quả này phù hợp với kết quả khảo sát của Lê Văn Thọ (2009) về bệnh viêm tích mủ tử cung tại Phòng mạch Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh là tỷ lệ mắc bệnh cao nhất ở độ tuổi ≥ 2-5 năm tuổi.

3.3. Tình hình chó bị viêm mủ tử cung trên chó theo lứa đẻ

Tình hình chó bị viêm mủ tử cung theo lứa đẻ được trình bày qua bảng 4.

Kết quả ở bảng 4 cho thấy chó không sinh sản hoặc sinh sản không đều có khả năng mắc bệnh cao nhất là 21,26%, tiếp đến là chó sinh sản 1-2 lứa là 14,15% và thấp nhất là chó sinh sản ≥ 3-5 lứa (3,35%). Kết quả này cũng phù hợp với nghiên cứu của Lê Văn Thọ (2009), chó chưa sinh sản có tỷ lệ mắc bệnh cao

nhất là 40,5%, chó sinh sản > 5 lứa thấp nhất là 10,2%.

Bảng 4. Tỷ lệ chó mắc bệnh viêm mủ tử cung theo lứa đẻ

Lứa đẻ	Số con khảo sát	Số con mắc bệnh	Tỷ lệ (%)
Không đẻ hoặc đẻ không đều	254	54	21,26
Đẻ 1-2 lứa	311	44	14,15
Đẻ ≥ 3-5 lứa	418	14	3,35
Tổng	983	112	11,39

3.4. Tình hình chó bị viêm mủ tử cung theo phương thức nuôi

Tình hình chó bị viêm mủ tử cung theo phương thức nuôi được trình bày qua bảng 5.

Bảng 5. Tỷ lệ chó mắc bệnh viêm mủ tử cung theo phương thức nuôi

Quản lý	Số con khảo sát	Số con mắc bệnh	Tỷ lệ (%)
Nuôi thả	509	78	15,32
Nuôi nhốt	474	34	7,17
Tổng	983	112	11,39

Kết quả ở bảng 5 cho thấy chó được nuôi thả có nguy cơ mắc bệnh cao hơn (15,32%) so với chó nuôi nhốt (7,17%). Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $P<0,001$. Và sự khác biệt này có thể lý giải vì chó nuôi thả rộng khi động dục phối giống tự do, khó kiểm soát có thể giao phối nhiều lần trong một thời kỳ động dục sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho vi khuẩn tấn công và gây bệnh.

3.5. Các dạng viêm tích mủ tử cung trên chó

Bảng 6. Tỷ lệ mắc bệnh theo dạng viêm tích mủ tử cung

Dạng viêm	Số con mắc bệnh	Tỷ lệ (%)
Dạng hở	67	59,82
Dạng kín	45	40,18
Tổng	112	100

Kết quả ở bảng 6 cho thấy tỷ lệ chó mắc bệnh viêm theo dạng hở cao (59,82%) so với dạng kín (40,18%). Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $P < 0,01$. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Đỗ Thị Thu Lam (2010), tại các phòng mạch thú y thành phố Cần Thơ là tỷ lệ viêm tích mủ tử cung dạng hở cao hơn dạng kín và được lý giải là khi phát hiện bệnh, dịch viêm đã có nhiều, bụng phình to, áp lực bên trong kích thích cho cổ tử cung mở ra tạo điều kiện cho vi khuẩn bên ngoài dễ dàng xâm nhập.

3.6. Tỷ lệ khỏi bệnh của các phương pháp điều trị viêm tử cung

Tỷ lệ khỏi bệnh của các phương pháp điều trị viêm tử cung được trình bày qua bảng 7.

Bảng 7. Tỷ lệ khỏi bệnh của các phương pháp điều trị viêm tích mủ tử cung

Phương pháp	Số con điều trị	Số con khỏi bệnh	Tỷ lệ (%)
Ngoại khoa	101	99	98,02
Nội khoa 1	6	2	33,33
Nội khoa 2	5	3	60

Kết quả ở bảng 7 cho thấy khi áp dụng phương pháp nội khoa hiệu quả điều trị thấp hơn điều trị bằng phương pháp ngoại khoa. Điều trị ngoại khoa khả năng hồi phục rất cao (98,02%). Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $P < 0,001$. Tuy nhiên, phẫu thuật là phương pháp hiệu quả nhất song bên cạnh đó vẫn còn nhiều rủi ro và tai biến trong ca mổ như: dị ứng thuốc tê, thuốc mê và tai biến sau khi phẫu thuật như nhiễm trùng vết mổ, đứt chỉ...là những điều không lường trước được. Do vậy, phẫu thuật viên cần thận trọng trong phẫu thuật.



Hình 2. Chó được điều trị bằng phương pháp phẫu thuật ngoại khoa

4. KẾT LUẬN

Tỷ lệ chó bị bệnh viêm tích mủ tử cung tại các phòng mạch thú y tỉnh Tiền Giang là 11,39%. Nhóm chó có độ tuổi $\geq 2-5$ năm tuổi có tỷ lệ mắc bệnh cao nhất (23,65%), tiếp đến là chó > 5 năm tuổi (8,36%) và chó < 2 năm tuổi (3,29%). Tỷ lệ chó mắc bệnh viêm tích mủ tử cung theo giống, độ tuổi, lứa đẻ, theo tình trạng nuôi và theo dạng viêm kín, hở khác nhau có ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$).

Tỷ lệ điều trị khỏi bằng phương pháp nội khoa 1 là 33,33%, nội khoa 2 là 60%. Tỷ lệ điều trị khỏi bằng phương pháp ngoại khoa kết hợp với hậu phẫu tốt đạt hiệu quả rất cao (98,02%).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đỗ Thị Thu Lam (2010). Chẩn đoán bệnh và khảo sát tính nhạy cảm của vi khuẩn gây viêm đường sinh dục trên chó đối với kháng sinh tại một số phòng mạch thú y ở thành phố Cần Thơ. Luận văn tốt nghiệp Cao học ngành Thú y. Trường Đại học Cần Thơ, Cần Thơ.
- Huỳnh Văn Kháng (1998). Giáo trình Phẫu thuật ngoại khoa thú y. Nhà xuất bản Nông nghiệp.
- Lê Văn Thọ, Lê Quang Thông, Huỳnh Thị Thanh Ngọc, Huỳnh Thị Huỳnh Hoa và Phan Thị Kim Chi (2009). Khảo sát bệnh viêm tử cung ở chó và kết quả điều trị. Tạp chí Khoa học Thú y, XVI(1): 66-73.
- Nguyễn Văn Thanh, Nguyễn Thị Thanh Hà (2018). Bệnh viêm tử cung sau đẻ ở đàn chó Berger Đức nuôi tại một số tỉnh phía Bắc Việt Nam và thử nghiệm điều trị. Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thú y, XXV(4): 68-72.
- Sử Thanh Long, Trần Lê Thu Hằng (2015). Ứng dụng siêu âm trong chẩn đoán bệnh viêm tử cung ở chó nuôi trên địa bàn thành phố Hà Nội và phác đồ điều trị. Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thú y, XIII(1): 23-33.
- Schmidt S., Schrag D. and Giese B. (1986). Ultrasonic diagnosis in gynecology in small animals. Tierarztl Prax. 1986, 123-141.
- Phạm Ngọc Thạch (2010). Cẩm nang nuôi chó. Nhà xuất bản Nông nghiệp. Hà Nội.
- Wheaton, L. G., Johnson, A. L., Parker, A. J., and Kneller, S. K. (1989). Results and complications of surgical treatment of pyometra: A review of 80 cases. Journal of the American Animal Hospital Association. 25: 563-568.

INVESTIGATE OF CANINE PYOMETRA RATE IN THE VETERINARY CLINIC OF TIEN GIANG

**Tran Van Thanh, Tran Ngoc Bich,
Nguyen Trung Truc, Nguyen Thi Yen Mai**

Summary

The study *"Investigate of Canine pyometra in the veterinary clinic of Tien Giang"* was carried out from august 2020 to december 2020 in the veterinary clinic of Tien Giang. The clinical and subclinical diagnosis results indicated that 112/983 dogs were suffered from pyometra during the first time in diagnosis and treatment, accounting for 11.39%. The pyometra symptoms: The proportion of infected dog in country and out country (15.19%; 7.66%). The infection of dogs suffering from pyometra depends on breed, age, age and history of oral contraceptive use. Of which, the infection was 23.65% in the dog age **more** than 2-5 years old, while this rate was 8.36% in the dog age group more than 5 years old and dogs $\leq$ 2 years old has the lowest (3.29%). The group of dogs that do not reproduce or reproduce infrequently has the rates of disease respectively were (21.26%; 14.15%). The dogs were free and kept in barns have disease rates of respectively (15.32%; 7.17%). The propotion of open-metritis was 59.82%, which was higher than the closed-metritis ones was 40.18%. Thr surgical treatment was a high success (98.02%).

Keywords: *Bitches, veterinary clinic, surgery, pyometra, Tien Giang.*

Người phản biện: GS.TS. Nguyễn Văn Thanh

Ngày nhận bài: 25/12/2020

Ngày thông qua phản biện: 26/01/2021

Ngày duyệt đăng: 02/02/2021